TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ CỪ** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2020/QĐST-KDTM	Phù Cừ, ngày 11 tháng 3 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Địa chỉ: Số 89 L, phường LH, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trí D-Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A-Chức vụ: Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân, VPBank hội sở.

(Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần V).

Người được ủy quyền lại:

Ông Nguyễn Việt H-Trưởng bộ phận xử lý nợ-VPBank AMC.

Bà Vũ Thị Ánh N-Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC.

Ông Lâm Đức H1- Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC.

Ông Trần Văn B- Chuyên viên xử lý nợ VPBank AMC.

Cùng địa chỉ: VPBankAMC, tầng 2, tòa nhà R6, khu đô thị R, số 72 N, T, H.

(Văn bản ủy quyền số 8395/2019/UQ-VPB ngày 06/11/2019).

Bị đơn: Ông Phạm Duy T, sinh năm 1975.

Bà Phùng Thị H, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hai bên đương sự đều xác định: Tạm tính đến ngày 03/3/2020, ông Phạm Duy T và bà Phùng Thị H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V, cụ thể như sau:

Theo Hợp đồng tín dụng số LN1710040262432 ngày 12/10/2017, ông T, bà H còn nợ gốc 847.108.436 đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 348.365.023 đồng, lãi phạt chậm trả là 37.269.386 đồng, tổng số nợ là 1.232.742.845 đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số LN1711170321945 ngày 20/11/2017, ông T, bà H còn nợ gốc 478.773.168 đồng, nợ tiền lãi quá hạn là 210.893.534 đồng, lãi phạt chậm trả là 24.222.498 đồng, tổng số nợ là 713.889.200 đồng.

Tổng cả tiền nợ gốc, tiền lãi của cả hai hợp đồng, ông T, bà H còn nợ tạm tính đến ngày 03/3/2020 là: 1.946.632.045 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng).

2.2. Về việc thanh toán trả nợ: Hai bên thỏa thuận:

Ông T, bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả của cả hai hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 03/3/2020 là 1.946.632.045 đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) làm ba kỳ, cụ thể:

- Kỳ thứ nhất tính từ ngày 03/3/2020 đến hạn cuối cùng là ngày 31/3/2020, thanh toán 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- Kỳ thứ hai tính từ ngày 01/4/2020 đến hạn cuối cùng là ngày 30/4/2020, thanh toán 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Kỳ cuối cùng tính từ ngày 01/5/2020 đến hạn cuối cùng là ngày 31/5/2020 thanh toán nốt số tiền còn lại là 1.146.632.045 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng) và tất toán toàn bộ khoản vay theo hai hợp đồng tín dụng số LN1710040262432 ngày 12/10/2017 và Hợp đồng tín dụng số LN1711170321945 ngày 20/11/2017 với Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Ông T, bà H phải tiếp tục trả các khoản lãi theo hợp đồng tính từ ngày 03/3/2020 cho đến ngày Tòa án ra quyết định công nhận thỏa thuận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Hai bên thỏa thuận:

Nếu ông T, bà H vi phạm bất kỳ một kỳ trả nợ nào cho Ngân hàng thương mại cổ phần V như hai bên đã thỏa thuận thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản thế chấp của ông T, bà H để ngân hàng thu hồi nợ theo như Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1710040262432 ngày 12/10/2017 và Hợp đồng thế chấp số LN1711170321945 ngày 20/11/2017 là 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI OUTLANDER-H biển số 89A-113.92 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA 6 biển số 89 A-114.41 đều mang tên ông Tiên. Ông Tiên đang quản lý hai chiếc xe ô tô này.

2.4. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông T, bà H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

2.5. Về án phí: Hai bên thỏa thuận: Ông T, bà H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 35.199.480 đồng (Ba mươi lăm triệu một trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 31.774.400 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005904 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tuấn